

Số: TVHN-237/AGIA

An Giang, ngày 25 tháng 8 năm 2025

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua:

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mực nước biến đổi chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mực nước xuống chậm.

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước biến đổi chậm, mực nước cao nhất và thấp ngày 23/8 hầu hết ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 05-35cm, thấp hơn cùng kỳ TBNN từ 25-105cm.

- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): Mực nước biến đổi theo triều, mực nước cao nhất ngày 23/8 hầu hết ở xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 từ 05-48cm, cao hơn TBNN từ 10-35cm; mực nước thấp nhất ở mức xấp xỉ và thấp hơn cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 15-60cm.

- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mực nước trên các kênh, rạch xuống chậm, mực nước cao nhất và thấp nhất ngày 23/8 hầu hết ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 từ 10-45cm.

- Khu vực cửa sông: Trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô, mực nước dao động theo xu thế triều biển Tây, mực nước cao nhất ngày 23/8 ở mức cao hơn so với cùng kỳ năm 2024 và TBNN từ 20-30cm, mực nước thấp nhất xấp xỉ cùng kỳ năm 2024 và TBNN.

2. Dự báo, cảnh báo:

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mực nước trên các sông, kênh tiếp tục lên trong 1-2 ngày tới, sau đó xuống chậm.

- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: Mực nước tiếp tục lên và đạt giá trị đỉnh triều trong 1-2 ngày đầu, những ngày sau mực nước xuống dần.

- Khu vực nội đồng TGLX: Mực nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.

- Vùng cửa sông: Mực nước trên sông Cái Lớn - Cái Bé xuống theo xu thế triều biển Tây.

- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Có khả năng xuất hiện hiện tượng ngập, úng cục bộ trong đô thị tại Long Xuyên và Rạch Giá khi xuất hiện mưa lớn; Biên độ mực nước dao động lớn và mực nước xuống thấp, nguy cơ xảy ra sạt lở bờ sông, kênh, rạch.

- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Các hiện tượng thủy văn nguy hiểm gây ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh, kinh tế - xã hội tại địa phương.

3. Ghi chú:

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 26/08/2025

Tin phát lúc: 11h30'

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục

Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1a: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều

Đơn vị: cm

sông, kênh, rạch	Trạm	Cấp báo động lũ			Mực nước thực đo ngày 24/08						Dự báo mực nước cao nhất					Dự báo mực nước thấp nhất				
					Hmin			Hmax			25/8	26/8	27/8	28/8	29/8	25/8	26/8	27/8	28/8	29/8
		BĐI	BĐII	BĐIII	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN	Trị số	So với cùng kỳ 2024	So với TBNN										
Tiền	Tân Châu	350	400	450	185	22	-104	243	8	-66	247	249	246	242	237	185	183	178	173	168
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	119	9	-38	217	0	10	220	222	219	214	208	115	113	108	103	98
Hậu	Khánh An	420	470	520	322	34	-39	329	25	-35	330	328	326	324	320	323	322	320	318	314
	Châu Đốc	300	350	400	159	4	-75	231	-13	-30	235	237	234	231	226	160	158	153	148	143
	Long Xuyên	190	220	250	81	-11	-13	212	-15	33	216	218	215	210	204	83	81	76	71	66
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	120	1	-58	216	-8	-6	220	222	219	215	210	121	119	114	109	104
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	158	42	-49	162	44	-57	163	165	165	164	162	158	160	161	160	158
	Vĩnh Gia	200	240	280	81	18	-10	85	18	-15	86	88	88	87	85	81	83	84	83	81
	Vĩnh Điều	170	200	230	77	19	14	81	15	8	82	83	82	81	79	76	78	77	76	74
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	76	7	13	80	9	12	81	83	83	82	80	76	78	78	77	75
T5	Nông Trường	160	190	220	82	8	11	87	11	11	88	90	90	89	87	82	84	84	83	81
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	111	16	-17	117	13	-17	118	120	120	119	117	111	113	113	112	110
	Cô Tô	140	180	220	115	17	17	118	14	17	119	121	121	120	118	115	117	117	116	114
	Nam Thái Sơn	90	120	150	81	10	-	87	13	-	88	90	90	89	87	81	83	83	82	80
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	80	15	-14	81	13	-20	82	84	84	83	81	80	82	82	81	79
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	126	19	24	136	19	28	136	138	139	138	136	126	128	127	126	124
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	150	15	-4	175	9	8	175	177	178	177	175	150	152	151	150	148
Rạch Giá Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	105	9	-8	130	15	9	130	132	133	132	130	105	107	106	105	103
	Tân Thành	120	150	180	94	15	22	103	17	20	101	102	104	102	99	94	96	97	96	94
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	76	12	23	84	17	22	82	83	85	83	80	76	77	78	77	75
Kiên	Rạch Giá	70	80	90	1	5	8	58	19	13	57	55	53	51	49	3	1	-1	-3	-5
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	-18	2	4	70	31	21	68	66	64	62	61	-20	-15	-12	-9	-8

Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm





